

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 23/02/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NH.DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH.DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Tấn Nhàn**.
- *Các Hội thẩm Nh.dân:* 1. Ông **Lê Văn Thuận**.
2. Ông **Bùi Dân An**.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án Nh.dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát Nh.dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nh.dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 341/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **VHThN**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 207, đường Phạm Văn Đồng, khu phố 3, phường LH, thị xã HT, tỉnh TN (có đơn xin vắng mặt).

*** Bị đơn:**

1. Bà **LTT**, sinh năm 1974.
2. Ông **LUN**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 73, đường Phan Đăng Lưu, tổ 15, khu phố 2, phường LH, thị xã HT, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh VHThN trình bày:***

Ngày 23/10/2020, bà LTT, ông LUN có vay của anh 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, có làm giấy mượn tiền do bà Th. viết. Ngày 03/11/2020, bà Th., ông Ngh. có vay của anh 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, có làm giấy mượn tiền do bà Th. viết. Tổng cộng bà Th., ông Ngh. vay của anh 200.000.000 đồng. Hiện nay bà Th., ông Ngh. không trả tiền nợ gốc và tiền lãi như theo thỏa thuận. Anh có đến nhà bà Th., ông Ngh. nhiều lần để lấy lại tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng bà Th., ông Ngh. đã khóa cửa nhà bỏ đi đâu không rõ. Nay anh yêu cầu bà Th., ông Ngh. trả lại cho anh 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

**** Bị đơn bà LTT, ông LUN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.***

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát Nh.dân thị xã HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về nội dung: Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh VHThN đối với bà LTT về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, buộc bà LTT phải trả cho anh Nh.số tiền gốc 200.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo các giấy tay mượn tiền mà anh Nh.cung cấp có nội dung bà LTT vay của anh Nh.02 lần tổng cộng là 200.000.000 đồng. Nay anh Nh.yêu cầu bà Th., ông Ngh. trả lại cho anh 200.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm cho nên quan hệ tranh chấp vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh VHThN có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà LTT, ông LUN đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nhân, bà Th., ông Ngh. theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh VHThN, thấy rằng:

Anh Nh.cung cấp 02 giấy mượn tiền ngày 23/10/2020 và ngày 03/11/20220 do bà Th. viết và ký tên, có nội dung bà Th. có vay của anh Nh.tổng cộng 200.000.000 đồng, cho nên có cơ sở xác định bà Th. có vay tiền của anh Nh.là có thật. Tuy nhiên, trong 02 giấy mượn tiền thể hiện chỉ có một mình bà Th. mượn tiền, không có họ tên và chữ ký của ông Ngh., cho nên đây là nợ riêng của bà Th., bà Th. có trách nhiệm trả lại cho anh Nhân. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nh.đối với bà Th., không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nh.về việc anh Nh.yêu cầu ông Ngh. cùng với bà Th. trả nợ cho anh.

Về yêu cầu tính tiền lãi của anh Nhân, thấy rằng:

Trong 02 giấy mượn tiền không ghi lãi suất, không thời hạn trả nợ, cho nên đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất. Tuy nhiên, theo lời khai của anh Nh.thì có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3%/tháng đã vượt quá 20%/năm được quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự. Mặt khác, do bà Th. vắng mặt, Tòa án không lấy lời khai được để làm rõ giữa anh Nhân, bà Th. có thỏa thuận lãi suất hay không, bao nhiêu phần trăm/năm và có tranh chấp về lãi suất hay không. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của anh Nh.đối với bà Th. theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi tính từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/02/2022, như sau: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 14 tháng = 23.240.000 đồng.

[4]. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nh.đối với bà Th.. Buộc bà Th. có nghĩa vụ trả cho anh Nh.200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 23.240.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 223.240.000 đồng.

[5]. Về án phí: Bà Th. phải chịu 11.162.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh VHThN đối với bà LTT về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà LTT có nghĩa vụ trả lại cho anh VHThN số tiền 223.240.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 23.240.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà LTT phải chịu 11.162.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả cho anh VHThN 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0009518 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Anh VHThN, bà LTT, ông LUN có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án Nh.dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã HT;
- CCTHADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lâm Tấn Nhàn